

và dạy nghề, theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

2. Bố trí việc làm phù hợp với ngành nghề chuyên môn kỹ thuật của sĩ quan trong các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước hoặc các tổ chức xã hội, theo biên chế và quỹ lương được ghi kế hoạch và ngân sách Nhà nước hàng năm. Những sĩ quan chưa có ngành nghề chuyên môn kỹ thuật sẽ được cơ quan tiếp nhận giúp đỡ bồi dưỡng ngành nghề để bố trí việc làm phù hợp.

3. Những sĩ quan nguyên là cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước điều động vào quân đội thì được chuyển trở về cơ sở cũ (theo thông tư số 71-TTg/CN ngày 30-7-1968 và chỉ thị số 256-TTg ngày 15-12-1970 của Thủ tướng Chính phủ).

Điều 2. — Những sĩ quan không sắp xếp được công tác ở cơ quan, xí nghiệp Nhà nước hoặc theo học ở các trường, nếu đã có đủ 20 năm công tác liên tục, trong đó có một trong những điều kiện sau đây thì được hưởng chế độ nghỉ hưu :

1. Có đủ 10 năm tuổi quân trở lên.
2. Có đủ 5 năm tuổi quân trở lên và đã trải qua chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu, hoặc trong 5 năm tuổi quân có 3 năm công tác ở vùng nhiều khó khăn, gian khổ.
3. Có đủ 5 năm tuổi quân và 10 năm công tác trở lên trong những điều kiện nặng nhọc độc hại.

Điều 3. — Riêng những sĩ quan đã nghỉ việc hưởng chế độ mất sức lao động hoặc phục viên từ ngày 1 tháng 1 năm 1982 đến ngày ban hành nghị định này nếu có đủ điều kiện quy định ở điều 2 thì được chuyển sang hưởng chế độ nghỉ hưu.

Điều 4. — Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, bộ trưởng Bộ Thương binh và xã hội, bộ trưởng Bộ Lao động ra thông tư liên Bộ hướng dẫn thi hành nghị định này.

Điều 5. — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng, các bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, chủ tịch

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 1982

T.M. Hội đồng bộ trưởng

K.T. Chủ tịch

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

CÁC BỘ

BỘ THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

THÔNG TƯ số 540-TBXH ngày 26-11-1982 hướng dẫn tính trợ cấp hưu trí, mất sức lao động đối với công nhân viên chức đi công tác dài hạn ở Cam-pu-chia.

Trong chỉ thị số 251-CT ngày 24-9-1982 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng có bổ sung một số điểm về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công nhân viên chức đi công tác dài hạn ở Cam-pu-chia : « Thời gian công tác dài hạn ở Cam-pu-chia được tính bằng 1,5 lần khi tính thời gian công tác để xét điều kiện về hưu, mất sức lao động và khen thưởng ».

Trong điều khoản thi hành chỉ thị có điểm :

— « Chế độ này chỉ thi hành với những cán bộ được giao nhiệm vụ đi công tác dài hạn (3 năm trở lên) ở Cam-pu-chia, hoặc những cán bộ, công nhân viên chức phục vụ dài hạn (3 năm trở lên) đoàn chuyên gia của ta ở Cam-pu-chia ».

— « Chế độ này có giá trị thi hành từ ngày ký văn bản ».

Bộ Thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện những điểm đã quy định nói trên cho công nhân, viên chức khi về hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động như sau :

1. Kể từ ngày 24 tháng 9 năm 1982, những cán bộ, công nhân, viên chức thuộc diện quy định tại điều khoản thi hành của chỉ thị số 251-CT nói trên về hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động, được tính thời gian công tác dài hạn (3 năm trở lên) ở Cam-pu-chia bằng 1,5 lần để xét điều kiện về hưu, mất sức lao động và để tính trợ cấp hưu trí, trợ cấp mất sức lao động một lần và hàng tháng. (Nếu có trường hợp nào do ban lãnh đạo Đoàn chuyên gia quyết định về trước thời hạn đó thì vẫn là đối tượng thi hành chỉ thị số 251-CT và phải có quyết định kèm theo). Cán bộ, công nhân viên chức sang công tác ở Cam-pu-chia để làm từng việc cụ thể trong một thời gian ngắn (dưới 3 năm) thì không áp dụng cách tính theo hệ số 1,5 nói trên. Ví dụ:

a) Đồng chí A có 8 năm công tác liên tục, tháng 8 năm 1982 nghỉ việc vì mất sức lao động, trong 8 năm công tác có 4 năm được giao nhiệm vụ công tác dài hạn ở Cam-pu-chia. Theo quy định 4 năm công tác dài hạn ở Cam-pu-chia được tính bằng 1,5 lần (tức 6 năm). Đồng chí A được tính trợ cấp mất sức lao động một lần và trợ cấp hàng tháng theo thời gian công tác liên tục là 10 năm (không phải là 8 năm).

b) Đồng chí B 55 tuổi và có 13 năm 6 tháng công tác liên tục trong đó có 2 đợt đi công tác dài hạn ở Cam-pu-chia: một đợt đủ 3 năm, một đợt đủ 2 năm. Như vậy đợt đủ 3 năm được tính bằng 1,5 lần (tức 4 năm 6 tháng) và đồng chí B có 15 năm công tác liên tục nên thuộc diện hưởng chế độ hưu trí (không phải hưởng chế độ mất sức lao động) và được tính trợ cấp một lần khi mới nghỉ việc và trợ cấp hàng tháng theo thời gian 15 năm công tác liên tục (không phải 13 năm 6 tháng).

c) Đồng chí C có 22 năm công tác liên tục, trong đó có hai đợt đi công tác dài hạn ở Cam-pu-chia, mỗi đợt đều đủ 3 năm.

Như vậy cả hai đợt đều tính bằng 1,5 lần (tức 9 năm). Vậy đồng chí C có 25 năm công tác liên tục nên đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí, và được tính trợ cấp một lần khi mới nghỉ việc trợ cấp hàng tháng theo thời gian 25 năm công tác liên tục.

2. Khoản trợ cấp theo điều 8 của quyết định số 21-HĐBT ngày 8-8-1981 của Hội đồng bộ trưởng vẫn tính như cũ (không tính bằng 1,5 lần). Ví dụ trường hợp đồng chí B nói ở trên thì khoản trợ cấp theo điều 8 của quyết định số 21-HĐBT vẫn tính theo số năm công tác ở Cam-pu-chia (một đợt đủ 3 năm, một đợt đủ 2 năm cộng lại là 5 năm, như vậy trợ cấp 5 tháng lương).

3. Đối với những cán bộ, công nhân viên chức đã về hưu, nghỉ việc vì mất sức lao động từ ngày 24 tháng 9 năm 1982 trở đi (ngày ban hành chỉ thị số 251-CT), nếu khi tính lại thời gian công tác dài hạn ở Cam-pu-chia bằng 1,5 lần có được tăng số tiền trợ cấp một lần khi mới nghỉ việc (trợ cấp một lần quy định ở quyết định số 296-CP ngày 20-11-1978 của Hội đồng Chính phủ), hoặc tăng số tiền trợ cấp hàng tháng, thì Sở thương binh và xã hội nơi đương sự cư trú sẽ làm điều chỉnh và trả số tiền chênh lệch đó. Trường hợp đã hưởng trợ cấp một lần hoặc trợ cấp hàng tháng với mức tối đa (tức là không thay đổi mức trợ cấp) thì không cần thiết phải làm điều chỉnh.

Đối với lực lượng vũ trang, Hội đồng bộ trưởng đã chỉ thị Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ trình bổ sung. Khi có quyết định của Hội đồng bộ trưởng, Bộ Thương binh và xã hội sẽ có văn bản hướng dẫn thực hiện.

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 1982

K.T. Bộ trưởng

Bộ Thương binh và xã hội

Thứ trưởng

NGUYỄN KIẾN